

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST

Ngày 26 - 8 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 95/2025/TLST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty L ; địa chỉ: Số 178, đường Lê Quang Định, P, Thành phố H .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Chí H là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn. (Chủ tịch hội đồng thành viên).

Người đại diện theo ủy quyền ông H: Bà Nguyễn Tô N, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 83, đường Đinh Tiên Hoàng, Khóm 18, phường A, tỉnh C . (có mặt)

- Bị đơn: Công ty H; địa chỉ: Số 257, đường Phan Ngọc Hiển, Khóm 2, Phường A, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2025, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Tô N trình bày: Vào ngày 14/6/2022, Công ty L (Gọi tắt Công ty L) và Công ty H (Gọi tắt Công ty H) ký kết hợp đồng thỏa thuận số 22-14/HĐTV-HD, với nội dung tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý rừng theo nguyên tắc và tiêu chuẩn FSC. Cụ thể: Công

ty L cung cấp cho Công ty H dịch vụ tư vấn FSC -FM theo N nội dung bảng chương trình tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý rừng cho Công ty H tại huyện U Minh tỉnh Cà Mau theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn FSC số 18-70R1/KHTV-HD ngày 12/05/2022. Giá trị hợp đồng số tiền 2.183.760.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%.

Đến ngày 02/01/2023, Công ty L và Công ty H tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số PL01-22-14/HĐTV-HD với nội dung điều chỉnh thuế giá trị gia tăng từ 8% lên 10% so với hợp đồng thỏa thuận số 22-14/HĐTV-HD ngày 14/6/2022. Khi đó, giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh số tiền 2.193.870.000 đồng. Công ty H đã thanh toán cho Công ty L 04 đợt tổng số tiền 1.866.306.000 đồng. Công ty H còn nợ lại kỳ thanh toán đợt 5 giá trị dịch vụ 15% và thuế VAT 8% với số tiền 327.564.000 đồng.

Đến ngày 20/6/2024 Công ty L đã hoàn thành dịch vụ đào tạo, tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý rừng, hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm và hệ thống thẩm định theo tiêu chuẩn FSC-FM/CoC và FSC-CoC/CW theo đúng hợp đồng 02 bên đã ký kết và Công ty H đã đạt được tất cả các chứng nhận. Tuy nhiên, sau nhiều lần liên lạc đề nghị thanh toán Nng Công ty H chỉ hứa hẹn mà vẫn không thanh toán số tiền còn nợ 327.564.000 đồng theo N nghĩa vụ tại hợp đồng đã ký kết.

Nay, Công ty L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H thanh toán cho Công ty tổng số tiền 385.570.125 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc 327.564.000 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày 26/8/2025 trên số tiền 327.564.000 đồng $\times 1,25\% \times 14$ tháng 05 ngày = 58.006.125 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi đến ngày giải quyết xong vụ án.

Đối với bị đơn Công ty H : Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty H theo quy định pháp luật, Nng Công ty H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty H Dững đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng Nng Công ty H Dững vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty H Dững.

[2] Xét Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn Quản Lý Lương yêu cầu buộc Công ty H phải trả số tiền 327.564.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 14/6/2022 Công ty L với Công ty H ký hợp đồng 22-14/HĐTV-HD về tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý rừng theo nguyên tắc và tiêu chuẩn FSC. Thể hiện, Công ty L cung cấp cho Công ty H dịch vụ tư vấn FSC -FM theo N nội dung bảng chương trình tư vấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý rừng cho Công ty H Dững tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn FSC số 18-70R1/KHTV-HD ngày 12/05/2022. Giá trị hợp đồng số tiền 2.183.760.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%. Đến ngày 02/01/2023, Công ty L và Công ty H tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số PL01-22-14/HĐTV-HD với nội dung điều chỉnh

thuế giá trị gia tăng từ 8% lên 10% so với hợp đồng thỏa thuận số 22-14/HĐTV-HD ngày 14/6/2022. Thời gian thực hiện dịch vụ bắt đầu từ tháng 06/2022 đến tháng 7/2023. Theo Điều 2.2 của Hợp đồng quy định phương thức thanh toán 05 đợt. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H thanh toán cho Công ty L được 04 đợt, còn nợ lại Công ty Quản lý Lương 01 đợt số tiền 327.564.000 đồng. Cũng N, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự: “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty H, Công ty H không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của Công ty L nên Công ty H phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình. Từ đó, chấp nhận yêu cầu của Công ty L. Buộc Công ty H Dừng phải trả số tiền 327.564.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của Công ty L tính lãi 1,25% từ ngày 20/6/2024 đến ngày xét xử, trên số tiền chậm trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo điểm 2.2 Điều 2 của Hợp đồng quy định: “...*Trường hợp chậm thanh toán, bên A sẽ phải trả lãi và chịu phạt đối với số tiền chậm trả với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phạt chậm trả là 15%/năm...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, chấp nhận yêu cầu về tính lãi chậm trả N sau: 327.564.000 đồng x lãi suất 1,25%/tháng x 14 tháng 05 ngày = 58.006.125 đồng.

Từ các căn cứ trên, buộc Công ty H có nghĩa vụ trả cho Công ty L tổng số tiền 385.570.125 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của Công ty L về tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 27/8/2025 cho đến ngày trả nợ theo hợp đồng thỏa thuận số 22-14/HĐTV-HD ngày 14/6/2022. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Công ty L phù hợp theo Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, Công ty H phải chịu án phí số tiền 19.278.500 đồng (385.570.125 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các điều 513, 519, 418, 280 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L

1. Buộc Công ty H có nghĩa vụ trả cho Công ty L tính đến ngày 26/8/2025 tổng số tiền 385.570.125 đồng. (ba trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)

Kể từ ngày 27/8/2025 Công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L không phải chịu, hoàn trả lại cho Công ty L 9.315.000 đồng (chín triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007521 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Công ty H phải chịu án phí số tiền 19.278.500 đồng (chưa nộp)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án khu vực 1 - Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

